TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHÊ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2019/QĐST-HNGĐ	*Yên Thành, ngày 04 tháng 03 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2019/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa:

1.Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh H, nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2.Bị đơn: Chị Cung Thị B, nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh H và chị Cung Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân:Anh Phạm Thanh H và chị Cung Thị B thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung:

Giao con chung Phạm Hoàng V, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2010 cho chị Cung Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung cho chị Cung Thị B mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 03 năm 2019 đến khi cháu Phạm Hoàng V thành niên.

Anh Phạm Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Phạm Thanh H, chị Cung Thị B có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con trên cơ sở lợi ích của con.

- Án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Thanh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 225.000đ (Hai trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003480 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Anh Phạm Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng)

Chị Cung Thị B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ